

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13- 01- 2026

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thực

2. Ông Trần Đăng Tuấn

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân khu vực 8-Hung Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Vân- Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc: ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2025/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2025/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hoàng Ánh N, sinh năm 1996

Địa chỉ: tổ dân phố An Tảo, xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên

2. Bị đơn: anh Trần Trọng V, sinh năm 1997

Nơi thường trú: tổ dân phố H, xã L, tỉnh Hưng Yên. Hiện đang lao động tại Nhật Bản

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Hoàng Ánh N trình bày:

Chị kết hôn tự nguyện với anh Trần Trọng V và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 04/01/2025. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng và đã ly thân từ ngày 12/01/2025 đến nay. Chị xác định

tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh V. Chị và anh V không có con chung, không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ con chung và quan hệ tài sản. Chị N chỉ biết anh V hiện đang đi lao động ở Nhật Bản. Chị không nắm được địa chỉ cụ thể của anh V tại Nhật Bản.

Bị đơn là anh Trần Trọng V đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh V không có mặt để tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa. Kết quả xác minh với bố đẻ của anh V là ông Trần Trọng Đ cung cấp: anh V hiện đang lao động tại Nhật Bản nhưng gia đình không có địa chỉ cụ thể. Gia đình đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Toà án và đã thông báo cho anh V biết. Anh V vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình và chia sẻ quan điểm của anh V nhất trí ly hôn với chị N. Anh V và chị N không có con chung, không có tài sản chung nên anh V không có ý kiến, yêu cầu gì. Toà án đã yêu cầu ông cung cấp địa chỉ của anh V nhưng ông không biết được địa chỉ cụ thể của anh V tại Nhật Bản nên ông không cung cấp được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa: quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân: cần xử cho chị N được ly hôn anh V; về quan hệ con chung và quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Hoàng Ánh N xin ly hôn anh Trần Trọng V có địa chỉ nơi thường trú tại xã L, tỉnh Hưng Yên và hiện tại anh V đang lao động tại Nhật Bản. Qua lời khai của chị N, ông Đ (bố anh V) thì anh V đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, Tòa án đã 02 lần yêu cầu ông Đ cung cấp địa chỉ của anh V nhưng ông Đ không cung cấp được. Như vậy, bị đơn anh V được xác định ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án đã yêu cầu người thân thích của anh V là ông Đ cung cấp địa chỉ nhưng không có kết quả, thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân

sự và hướng dẫn tại Điều 10 (Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ) Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kết quả xác minh việc xuất cảnh của anh Trần Trọng V theo Công văn số 1255/XNC ngày 02/12/2025 của Phòng Q, Công an tỉnh H cung cấp: anh Trần Trọng V được cấp 01 hộ chiếu số C351398; hạn HC: 15/6/2027; tình trạng HC: hiện hành. Xuất nhập cảnh 09 lần qua cửa khẩu Sân bay quốc tế N1; lần xuất cảnh gần nhất là ngày 21/8/2025, chưa có thông tin nhập cảnh vào Việt Nam.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Ánh N và anh Trần Trọng V xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng. Chị N, anh V đã ly thân từ ngày 12/01/2025 đến nay không quan tâm nhau. Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh V là phù hợp với các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản: chị N khai không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh V không có ý kiến, yêu cầu gì về con chung và tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Hoàng Ánh N được ly hôn anh Trần Trọng V.

2. Về án phí: chị Hoàng Ánh N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002557 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: chị Hoàng Ánh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án. Anh Trần Trọng V có quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8, Hưng Yên;
- UBND xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng

